

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ-HVTC ngày 05/9/2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- NGÀNH ĐÀO TẠO:	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (Tên Tiếng Anh: Finance –Banking)
- MÃ NGÀNH:	7340201
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH (Tên Tiếng Anh: Financial analysis)
- MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	01.09
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	Đại học (Chương trình chuẩn)
- HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:	Chính quy
- VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP:	Cử nhân
- ĐƠN VỊ CẤP BẰNG	Học viện Tài chính
- ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH:	2025 (Từ khóa 63)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

2.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo (CTĐT) Phân tích tài chính, ngành Tài chính - Ngân hàng (TC-NH) trình độ đại học là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc, có kiến thức chuyên môn về Phân tích tài chính toàn diện. Người học sau khi tốt nghiệp nắm vững nền tảng cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ; về kinh tế, tài chính, kế toán, quản lý và quản trị; chuyên sâu về lĩnh vực Phân tích tài chính; có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và giải quyết vấn đề liên quan; có khả năng lãnh đạo, quản lý; làm việc khoa học, đổi mới và sáng tạo; phân tích, đánh giá, hoạch định, tổng hợp đa ngôn ngữ và thực hành nghề nghiệp; tự chủ, trách nhiệm, tự đào tạo và khởi nghiệp; thích ứng nhanh với môi trường làm việc gắn với kỷ nguyên số; có ý thức kỷ luật, phục vụ cộng đồng và học tập suốt đời. Ngoài ra, người học được trang bị kiến thức chuyên sâu khác để mở rộng cơ hội nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objectives):

2.2.1. Về kiến thức

PO1: - Có kiến thức nền tảng về: khoa học tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật; công nghệ thông tin (CNTT) và trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản để vận dụng vào nghề nghiệp, cuộc sống.

- Có kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN), giáo dục thể chất (GDTC) để rèn luyện sức khỏe; sống có kỷ luật; có ý thức góp phần xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

PO2: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật kinh tế, nguyên lý kế toán để vận dụng và giải quyết các vấn đề trong quá trình làm việc thực tế của lĩnh vực Phân tích tài chính.

PO3: - Có kiến thức tổng hợp của ngành TC-NH để làm nền tảng đào tạo chuyên sâu lĩnh vực Phân tích tài chính.

- Có kiến thức chuyên môn cụ thể khác của ngành: TC-NH, Kế toán, Kiểm toán, Quản lý công, Marketing hỗ trợ cho ngành TC-NH, CTĐT Phân tích tài chính để người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu về lĩnh vực được đào tạo và mở rộng cơ hội nghề nghiệp sau tốt nghiệp.

PO4: - Có kiến thức lý thuyết sâu, rộng về lĩnh vực phân tích tài chính như: mục tiêu, phương pháp, cơ sở dữ liệu, tổ chức phân tích tài chính.

- Có kiến thức chuyên sâu về Phân tích tài chính để thực hiện công việc chuyên môn; quản lý, tư vấn, tham mưu ra quyết định tối ưu.

- Có kiến thức thực tế vững chắc, thực hành nghề nghiệp để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, quản lý hoạt động phân tích tài chính tại đơn vị, tổ chức.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: - Có kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết những vấn đề cụ thể hoặc phức tạp trong triển khai công việc thực tế ở lĩnh vực phân tích tài chính và lĩnh vực hỗ trợ khác.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; biết dẫn dắt chuyên môn, tự cập nhật kiến thức phục vụ công việc.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn CNTT, ngoại ngữ theo quy định hiện hành để phục vụ công việc.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện tốt nhất công việc nhóm một cách khoa học, chuyên nghiệp; tự chịu trách nhiệm cá nhân; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật.

- Có trách nhiệm với tập thể, cộng đồng và xã hội.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước và quốc tế.

- Có khả năng tự học, cập nhật, bổ sung các kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

- Có khả năng tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ nghiệp vụ và tự cập nhật, bổ sung kiến thức để dự thi lấy các chứng chỉ liên quan.

- Có cơ hội nhận được bằng đại học thứ 2 ngành đào tạo khác của Học viện nếu người học đăng ký học cùng lúc 2 chương trình.

2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

- Người học tốt nghiệp CTĐT Phân tích tài chính, ngành TC-NH của Học viện Tài chính có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc chuyên môn, cụ thể:

+ Làm chuyên gia phân tích tài chính độc lập.

+ *Tại khu vực quản lý nhà nước:* Có thể làm trợ lý/thư ký, tham mưu, nhất là về tài chính đối ngoại cho lãnh đạo các cơ quan quản lý kinh tế, tài chính của Nhà nước như: Trợ lý cho: Bộ trưởng, Thứ trưởng, Vụ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Công thương...; Trợ lý, tham mưu cho các cấp Lãnh đạo các Ban, Ngành, địa phương về quản lý kinh tế, tài chính; Có thể làm việc ở Vụ Kế hoạch - Tài chính của các Bộ, nhất là các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính doanh nghiệp, Cục và các Chi cục thuế, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Chính sách tài chính... và tại các Sở, Ban, Ngành. Chuyên viên quản lý thuế doanh nghiệp, chuyên viên quản lý và kiểm tra sau thông quan tại các đơn vị Hải quan...

+ *Tại các doanh nghiệp phi tài chính:* có thể làm việc tại Ban Tài chính - Kế toán, Ban Kiểm soát tại các Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế; làm việc tại Phòng Tài chính - Kế toán, Ban kiểm soát, Phòng phân tích tài chính tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế

+ *Tại các đơn vị sự nghiệp:* Có thể làm việc tại Ban Tài chính – Kế toán, Ban kiểm soát... tại các đơn vị sự nghiệp.

+ *Tại các doanh nghiệp tài chính như các Ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng, Công ty Bảo hiểm, công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, Công ty tài chính:* Có thể làm chuyên viên quản lý khách hàng doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng hoặc các Công ty bảo hiểm và các quỹ đầu tư; làm chuyên viên môi giới đầu tư của các công ty chứng khoán; chuyên gia tư vấn tài chính ở các công ty chứng khoán, công ty kiểm toán độc lập, công ty dịch vụ tài chính, chuyên viên phân tích và đánh giá thị trường và định giá tài sản của các quỹ đầu tư, chuyên viên quản trị rủi ro... trong nước và quốc tế.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm giảng viên, trợ giảng, chuyên gia tư vấn, nghiên cứu viên chuyên môn về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng nói chung và lĩnh vực Phân tích tài chính nói riêng tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học trên phạm vi cả nước như: các trường đại học/học viện, các viện nghiên cứu, hoặc làm tại các cơ quan nghiên cứu, Viện nghiên cứu, cơ quan truyền thông, hiệp hội nghề nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes):

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Phân tích tài chính, ngành TC-NH đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học; có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Phân tích tài chính; có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử; có khả năng tự chủ và trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; cụ thể:

3.1. Về kiến thức:

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiên bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

PLO2: - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên - xã hội, pháp luật, biết sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Hiểu và vận dụng được các nguyên lý ứng dụng CNTT, có nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO3: Nắm vững được kiến thức GDQP&AN, GDTC để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc, bảo vệ Tổ quốc.

3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và bổ trợ

*** Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành:**

PLO4: - Hiểu và vận dụng được nội dung cơ bản của nguyên lý kinh tế học, từ đó phân tích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

- Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng, cơ bản về kế toán, tài chính, tiền tệ, pháp luật kinh tế; kiến thức cốt lõi về TC-NH để phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá, giải quyết được các vấn đề chuyên môn liên quan lĩnh vực TC-NH.

*** Kiến thức ngành và bổ trợ:**

PLO5: - Vận dụng, phân tích kiến thức cơ bản về lĩnh vực TC-NH trong mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực liên quan khác.

- Vận dụng, phân tích, đánh giá, luận giải, tổng hợp được các kiến thức toàn diện trong ngành TC-NH tạo nền tảng cho nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực Phân tích tài chính.

PLO6: Vận dụng, phân tích các kiến thức chuyên sâu cụ thể về: Đầu tư vốn của doanh nghiệp, Nguyên lý thẩm định giá, Kế toán tài chính cơ bản, Thực hành phân

tích tài chính, Tài chính số, Quản lý tài chính công, Phân tích kỹ thuật, Khởi nghiệp kinh doanh, Kiểm toán căn bản, Phân tích tài chính tập đoàn (Group Financial Analysis) trong tiếp cận với phần mềm phân tích tài chính, ứng dụng AI trong phân tích tài chính, giải quyết vấn đề để hỗ trợ chuyên môn cho lĩnh vực Phân tích tài chính; hướng tới liên thông ngang sang các ngành đào tạo khác cùng khối ngành kinh tế và hướng tới để mở rộng cơ hội nghề nghiệp.

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO7: - Phân tích, đánh giá kiến thức căn bản về Phân tích tài chính để phác thảo, nắm vững được nguyên tắc chung của lĩnh vực Phân tích tài chính và ứng dụng phần mềm để thực hành nghề nghiệp liên quan đến chuyên môn.:

- Phân tích, đánh giá, tổng hợp có hệ thống kiến thức chuyên sâu về Phân tích tài chính như: Phân tích tài chính doanh nghiệp; Phân tích tài chính các định chế tài chính; Phân tích tài chính nhà nước; Phân tích kinh tế; Giám sát tài chính. Cụ thể:

+ Phân tích tài chính doanh nghiệp theo các vấn đề về mục tiêu; phương pháp; cơ sở dữ liệu; tổ chức phân tích tài chính TCDN; phân tích chính sách tài chính; phân tích tình hình sử dụng vốn; phân tích tiềm lực tài chính DN; phân tích rủi ro tài chính và dự báo BCTC; phân tích tăng trưởng và đánh giá DN.

+ Phân tích tài chính các định chế tài chính theo các vấn đề như phân tích tài chính tại NHTM; tại công ty chứng khoán..

+ Phân tích tài chính nhà nước theo các vấn đề như phân tích tài chính quỹ NSNN; phân tích tài chính quỹ ngoài NSNN; phân tích tài chính cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

+ Phân tích kinh tế theo các vấn đề như phân tích thu nhập; phân tích cung cầu nền kinh tế; phân tích hiệu quả; phân tích chính sách kinh tế; phân tích tăng trưởng và điều tiết kinh tế.

+ Giám sát tài chính theo các vấn đề như giám sát NSNN; giám sát tài chính DN; giám sát tài chính tổ chức tín dụng.

PLO8: Xây dựng, phát triển được kiến thức thực tế, thực hành nghề nghiệp tại các DN; tại các định chế tài chính; tại các đơn vị hành chính sự nghiệp; tại các cơ quan giám sát tài chính; tại trung tâm thực hành để đạt kiến thức chung về thực tập tốt nghiệp.

3.2. Về kỹ năng

PLO9: - Có kỹ năng hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, tổng hợp, báo cáo, đề xuất, tham mưu và giải quyết vấn đề chuyên sâu thuộc lĩnh vực Phân tích tài chính; am hiểu lĩnh vực khác hỗ trợ ngành; thực hành và sử dụng phần mềm chuyên môn thành thạo.

- Có kỹ năng dẫn dắt chuyên môn; tự bổ sung, cập nhật kiến thức mới, tiếp tục nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc trong các môi trường làm việc khác nhau.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học; tư duy đổi mới và sáng tạo; luận giải logic các vấn đề thực tiễn đặt ra một cách thuyết phục và có căn cứ thực hiện.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và thuyết trình; soạn thảo văn bản; quản lý và tổ chức công việc; tư duy phản biện và đàm phán; quản lý thời gian và làm việc nhóm; làm việc độc lập, khoa học và chuyên nghiệp; thấu hiểu để giải quyết tốt vấn đề thực tiễn.

- Có kỹ năng khởi nghiệp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân; thiết lập và duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan.

PLO10: - Có năng lực học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn tối thiểu kỹ năng CNTT cơ bản hoặc tương đương và năng lực số theo quy định hiện hành; tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu có ích và xử lý tốt thông tin, dữ liệu;

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tối thiểu 3/6 hoặc tương đương theo quy định của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong công việc chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: - Có phẩm chất đạo đức tốt, thấu hiểu; có sức khỏe; tư duy đổi mới và cầu tiến; năng động và sáng tạo; chủ động, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu; có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực được đào tạo chuyên sâu.

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

PLO12: - Có tinh thần học tập suốt đời; thích ứng nhanh với môi trường thay đổi; tự cập nhật, đào tạo để khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật; phục vụ cộng đồng; có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm và cộng đồng.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

4.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Nhóm kiến thức	Số TC	Ghi chú
A	Kiến thức giáo dục đại cương	41	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC (*)	11	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	8	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131	
	Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã môn học trong các CTĐT: Từng môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
A		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41		
A1		Kiến thức chung	30		
		<i>Phần bắt buộc</i>	24		
1	MPT0400	Triết học Mác - Lênin	3	45	
2	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	
3	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
4	VPP0401	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	
5	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
6	BFL0123	Tiếng Anh cơ bản	4	60	
7	AMA0239	Toán cao cấp	3	45	
8	PAS0101	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	30	
9	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30	
10	ITO0236	Tin học	2	30	
		<i>Phần tự chọn</i>	6		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
11	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
		<i>Nhóm 2</i>	4		
12	PAM0148	Quản lý hành chính công	2	30	
13	DEC0098	Kinh tế phát triển	2	30	
14	PMT0401	Tâm lý học quản lý	2	30	
15	ALI0100	Trí tuệ nhân tạo	2	30	
A2		Kiến thức GDQP&AN, GDTC	11		
16	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165	
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	90	
		<i>Phần bắt buộc</i>	1		
17	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30	
18	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online
		<i>Phần tự chọn</i>	2		
19	AED0351	Bóng rổ	2	60	
20	AED0352	Bóng chuyền	2	60	
21	AED0353	Bơi	2	60	
22	AED0354	Bóng bàn	2	60	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
23	AED0355	Cầu lông	2	60	
24	AED0356	Taekwondo	2	60	
25	AED0359	Thẻ đục phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online
B		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90		
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành	6		
26	MAE0012	Kinh tế vĩ mô cơ bản	3	45	
27	MIE0011	Kinh tế vi mô cơ bản	3	45	
B2		Kiến thức cơ sở ngành	24		
28	EFL0012	Tiếng Anh kinh tế	3	45	
29	EFL0011	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60	
30	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	60	
31	ELA0143	Pháp luật kinh tế	2	30	
32	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	45	
33	FAM0192	Tài chính tiền tệ	4	60	
34	EFA2010	Đạo đức nghề phân tích tài chính	2	30	
35	QEC0097	Kinh tế lượng cơ bản	2	30	
B3		Kiến thức ngành	16		
36	TAX0215	Thuế	2	30	
37	CUS0030	Hải quan	2	30	
38	CFI0301	Tài chính doanh nghiệp căn bản	2	30	
39	SMI0196	Thị trường tài chính	2	30	
40	FFA0140	Phân tích và dự báo dữ liệu tài chính	2	30	
41	CMB0110	Ngân hàng thương mại	2	30	
42	IFI0191	Tài chính quốc tế	2	30	
43	IEC0100	Kinh tế quốc tế	2	30	
B4		Kiến thức chuyên ngành	14		
		Phần bắt buộc	12		
44	BFA0110	Phân tích tài chính căn bản	2	30	
45	CFA0133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	
46	FAF3010	Phân tích tài chính các định chế tài chính	4	60	
47	SFA0138	Phân tích tài chính nhà nước	3	45	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
		Phần tự chọn	2		
48	ECA0633	Phân tích kinh tế	2	30	
49	FCS0034	Giám sát tài chính	2	30	
B5		Kiến thức bổ trợ	20		
		Phần bắt buộc	12		
50	BAP1000	Nguyên lý thẩm định giá	2	30	
51	CCI0210	Đầu tư vốn của doanh nghiệp	3	45	
52	AFB0010	Kế toán tài chính cơ bản	4	60	
53	PFA0130	Thực hành phân tích tài chính	3	45	
		Phần tự chọn	8		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
54	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15	
55	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15	
56	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15	
57	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15	
58	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15	
		<i>Nhóm 2</i>	6		
59	DIF0909	Tài chính số	2	30	
60	PFM0150	Quản lý tài chính công	2	30	
61	AST0316	Phân tích kỹ thuật	2	30	
62	GAU0078	Kiểm toán căn bản	2	30	
63	SBU0410	Khởi nghiệp kinh doanh	2	30	
64	CFA0136	Phân tích tài chính tập đoàn (Group Financial Analysis)	2	30	Tiếng Anh
B6		Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10		
65	SPR0109	Thực tập tốt nghiệp – 01.09	10	150	
		<i>Thực tập cuối khóa (thực hành)</i>	4	60	
		<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	6	90	
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131		
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120		

Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến
- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh

5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ							
		(dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
	Phần bắt buộc				x	x	x	x	
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp						x	x	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.

6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

- CTĐT được thiết kế hoàn thành khóa học 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: tối đa 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành luận văn tốt nghiệp). Tuy nhiên, tùy theo năng lực của người học có thể hoàn thành khóa học sớm hơn quy định.

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6.2. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong chương trình đào tạo.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể: **1)** Phương pháp

thuyết giảng; 2) Phương pháp thảo luận; 3) Phương pháp làm việc nhóm; 4) Phương pháp tranh biện; 5) Phương pháp tình huống; 6) Phương pháp trải nghiệm thực tế; 7) Phương pháp thực hành; 8) Các PP khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy – học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số,...nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá:

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy - học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy - học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức đánh giá kết thúc môn học khác.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Phân tích tài chính (Chương trình chuẩn) phù hợp với ngành TC-NH; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.

- Nội dung CTĐT Phân tích tài chính được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỞNG KHOA



Vũ Văn Ninh

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đào Tùng